


<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p>Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>									
<b>Trang phục bảo hộ</b>		<b>Nhãn</b>	<b>HMSI (USA)</b>								
			<table border="1"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td><td style="background-color: #0000FF; color: white;">4</td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td><td style="background-color: #FF0000; color: white;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #000000; color: white;">Personal Protection</td><td style="background-color: #000000; color: white;">J</td></tr> </table>	Health	4	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	J
Health	4										
Fire	0										
Reactivity	0										
Personal Protection	J										
<b>1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>											
<p><b>Tên gọi:</b> Mercuric chloride</p> <p><b>Tên thương mại:</b></p> <p><b>Số CAS:</b> 7487-94-7</p> <p><b>Số UN:</b></p> <p><b>Số đăng ký EC:</b></p> <p><b>Tên nhà sản xuất:</b></p> <p><b>Mục đích sử dụng:</b> phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.</p>	<p><b>Đơn vị sử dụng:</b></p> <p>VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH</p> <p>Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p> <p>159 Hung Phú, P.8, Q.8, TP.HCM</p> <p>Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719</p> <p><b>Liên hệ khẩn cấp:</b> Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115</p>										
<b>2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>											
<b>Tên thành phần hóa chất</b>	<b>CAS-Number</b>	<b>Công thức cấu tạo</b>	<b>% theo khối lượng</b>								
Mercuric chloride	7487-94-7	HgCl <sub>2</sub>	100								
<b>3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>											
<p>- <b>Tác động cấp tính</b></p> <p><i>Tiếp xúc với mắt:</i> rất nguy hại.</p> <p><i>Nuốt phải:</i> rất nguy hại.</p> <p><i>Hít phải:</i> rất nguy hại.</p> <p><i>Tiếp xúc với da:</i> rất nguy hại</p>											

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<p>- <b>Tác động mãn tính</b></p> <p><b>Gây ung thư:</b> có thể xảy ra, được phân loại bởi IRIS, NTP. A4, ACGIH. MUTAGENIC. Tác dụng: gây đột biến các tế bào soma động vật có vú. Gây đột biến cho vi khuẩn và/hoặc nấm men.</p> <p><b>Gây đột biến gen:</b> không có giá trị.</p> <p><b>Gây quái thai:</b> không có giá trị.</p> <p><b>Độc tính phát triển:</b> tác dụng lên hệ thống sinh sản / độc tố / nữ, hệ sinh sản / độc tố / nam. Chất này độc hại đối với não, hệ thần kinh ngoại vi, hệ thần kinh trung ương, mắt hoặc giác mạc. Chất này có thể độc hại cho hệ thống sinh sản. Tiếp xúc nhiều lần hay kéo dài có thể gây độc hại đến các cơ quan.</p>		
<p><b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</b></p>		
<p>- <b>Tiếp xúc với mắt</b></p> <p>Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa.</p> <p>- <b>Tiếp xúc với da</b></p> <p>Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại.</p> <p>- <b>Hít vào</b></p> <p>Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.</p> <p>- <b>Nuốt vào</b></p> <p>Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...</p>		
<p><b>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</b></p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b> <b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặc tính cháy của hóa chất:</b> không cháy.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tự bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Điểm bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Giới hạn có thể cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Sản phẩm cháy:</b> khói độc hại của thủy ngân, khí clorua.</li> <li>- <b>Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác</b> <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị.</li> <li>- <b>Chỉ dẫn chữa cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Lưu ý nguy cơ cháy:</b> Khi đun nóng để phân hủy nó phát ra khói độc hại.</li> <li>- <b>Lưu ý nguy cơ nổ:</b> hỗn hợp thủy ngân clorua với hợp chất halogenua của kali và kim loại tạo ra chất nổ mạnh.</li> </ul>		
<p><b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ</b> Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.</li> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn</b> Là chất rắn, độc. Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, dùng dụng cụ vào hóa chất, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và ngăn chặn đổ tràn tới hệ thống cống.</li> </ul>		
<p><b>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sự đề phòng</b> Giữ bình hóa chất luôn khô, không được nuốt, không được hít bụi hóa chất. Không bao giờ cho nước vào sản phẩm này. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ hô hấp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi cấp cứu. Tránh các tác nhân oxy hóa, kim loại, các axít,</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<p>kiềm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tồn trữ</b></li> </ul> <p>Giữ bình chứa đóng chặt. Đẻ thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Không lưu giữ hóa chất trên 23°C.</p>		
<p><b>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểm soát kỹ thuật</b></li> </ul> <p>Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân:</b> kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang thích hợp, găng tay.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:</b> kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần.</li> <li>- <b>Giới hạn tiếp xúc:</b> TWA: 0,025 (mg (Hg)/m) bởi ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ], tiếp xúc da TWA: 0.1 (mg/m<sup>3</sup>) bởi ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ], TWA: 0,05 (mg/m<sup>3</sup>) bởi OSHA (PEL), Hít phải: TWA [Hoa Kỳ]: 0,01 (mg/m<sup>3</sup>) bởi Occupational Reproductive Guildelines - Screening Method, Jankovic and Drake Inhalation TWA: 0,1 (mg/m<sup>3</sup>) bởi OSHA (PEL) [Hoa Kỳ].</li> </ul>		
<p><b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trạng thái và hình dạng vật lý:</b> thể rắn.</li> <li>- <b>Mùi:</b> không mùi.</li> <li>- <b>Vị:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Khối lượng phân tử:</b> 271,5 g/mol.</li> <li>- <b>Màu:</b> màu trắng.</li> <li>- <b>pH (1% dung môi/nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Điểm sôi:</b> 302°C.</li> <li>- <b>Điểm nóng chảy:</b> 276°C</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nhiệt độ tới hạn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Trọng lượng riêng:</b> 5,44 (nước =1).</li> <li>- <b>Áp suất bay hơi:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Tỉ trọng bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sự bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ngưỡng mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Hệ số phân phối nước/dầu:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ionicity (trong nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Tính chất phân tán:</b> xem sự hòa tan.</li> <li>- <b>Sự hòa tan:</b> tan trong nước lạnh, nước nóng, methanol, dietyl etc.</li> </ul>		
<p><b>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ ổn định:</b> hóa chất ổn định.</li> <li>- <b>Nhiệt độ gây không ổn định:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Những điều kiện gây không ổn định:</b> vật liệu không tương thích, ánh sáng, nhiệt độ cao, chất hữu cơ.</li> <li>- <b>Những hóa chất không tương thích:</b> phản ứng với các tác nhân oxy hóa, kim loại, axit, kiềm.</li> <li>- <b>Tính ăn mòn:</b> không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.</li> <li>- <b>Lưu ý về phản ứng:</b> có thể phân hủy nếu tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Phản ứng với natri, kali và các hợp kim của chúng. Không tương thích với axit, nhôm, kiềm, muối kiềm, amoniac, antimon, asen, borax, bromua, carbonat, đồng, hết các định dạng gelatin, hypophosphit, sắt, chì, nước vôi, kim loại, phốt phát, kali, sắt khử, sunfat, sulfide, axit tannic.</li> <li>- <b>Lưu ý về ăn mòn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Poly hóa:</b> không xảy ra.</li> </ul>		
<p><b>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đường đi vào:</b> hô hấp, tiêu hóa.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tính lên động vật:</b> LD<sub>50</sub>: 1 mg/kg (chuột)</li> <li>- <b>Ảnh hưởng mãn tính lên con người:</b> tác dụng lên hệ thống sinh sản / độc tố / nữ, hệ sinh sản / độc tố / nam. Chất này độc hại đối với não, hệ thần kinh ngoại vi, hệ thần kinh trung ương, mắt hoặc giác mạc. Chất này có thể độc hại cho hệ sinh sản. Tiếp xúc nhiều lần hay kéo dài có thể gây độc hại đến các cơ quan.</li> <li>- <b>Ảnh hưởng độc tính lên con người</b> Nguy hiểm trong trường hợp sau: rất nguy hại với da, tiêu hóa, đường hô hấp, tiêu hóa, mắt. Độc tính trên động vật: không có giá trị</li> <li>- <b>Lưu ý ảnh hưởng mãn tính khác lên con người:</b> có thể ảnh hưởng đến vật liệu di truyền và gây ảnh hưởng đến hệ sinh sản (khả năng sinh sản, sự bất thường trong phát triển).</li> <li>- <b>Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người</b> <i><b>Độc cấp tính</b></i> Da: nguyên nhân gây kích ứng da nghiêm trọng. Mắt: gây kích ứng mắt nghiêm trọng, có thể gây tổn thương giác mạc, có thể gây bỏng và mất thị lực. Nuốt phải: gây kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn, đau bụng, bỏng có thể lên môi, lưỡi, dạ dày, thực quản. Nó có thể ảnh hưởng đến hệ tim mạch, hệ tiết niệu, sự trao đổi chất. Hít phải: kích thích niêm mạc đường hô hấp, chiếu xạ có thể gây ra ho, đau ngực. <i><b>Độc mãn tính:</b></i> tiếp xúc nhiều lần và kéo dài gây ra ảnh hưởng như: Da: gây dị ứng viêm da. Mắt: gây nhiễm thủy ngân (tích tụ thủy ngân trong thủy tinh thể ở mắt, gây giảm tầm nhìn. Nuốt phải: gây chảy nước miếng, yếu cơ, giảm trí nhớ ngắn hạn, tính cách thay đổi và những triệu chứng như ở tác động cấp tính. Hít phải: triệu chứng như ở tác động cấp tính.</li> </ul>		
<p><b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tính sinh thái:</b> độc tính sinh thái trong nước (LC50): 0,9 ppm 24 giờ [Rainbow Trout (juvenile)]. 0,1 ppm 48 giờ [Fathead Minnow]. 0,2 ppm 96 giờ ở cá Bluegill Sunfish.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19</p> <p>16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>BOD<sub>5</sub> và COD:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sản phẩm phân hủy sinh học:</b> những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.</li> <li>- <b>Độc tính sản phẩm phân hủy:</b> không có giá trị.</li> </ul>		
<p><b>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.</li> <li>- <b>Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</b></li> </ul> <p><i>Tái sử dụng nếu có thể</i></p> <p><i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.</li> </ul> <p><i>Thu gom và xử lý dạng lỏng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.</li> <li>• Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.</li> </ul> <p><i>Xử lý hóa chất dạng hơi:</i> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p>		
<p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).</li> <li>- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.</li> <li>- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<p>- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.</p>		
<p><b>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</b></p>		
<p>- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - <b>Xếp loại DOT:</b> class: 6.1: vật liệu độc hại. <b>Nhận dạng:</b> Thủy ngân clorua, UNNA: 1624 PG: II.</p>		
<p><b>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b></p>		
<p>- <b>Quy chuẩn áp dụng</b> Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</p> <p>- <b>Xếp loại khác</b> <i>DSCL (EEC): R24- độc khi tiếp xúc với da. R28- rất độc khi nuốt phải. R34- gây cháy. R50/53- rất độc tới quần thể thủy sinh, có thể gây tác động phá hủy kéo dài đối với môi trường nước. S36/37/39- trang bị trang vệ phù hợp. S60- hóa chất và thùng đựng hóa chất phải được xử lý theo dạng chất thải nguy hại. S61- hạn chế phóng thải ra môi trường.</i></p> <p><b>HMIS (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Độc hại sức khỏe: 4 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: j</p> <p><b>National Fire Protection Association (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Sức khỏe: 4 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		



<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Mercury chloride</b></p>	<p>MSDS: 19 16/10/2012</p>
<p><b>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tham khảo:</b> Mercuric chloride MSDS – science lab.com, INC, Mỹ.</li> <li>- <b>Ngày ghi:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Ngày sửa đổi gần nhất:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Tổ chức biên soạn:</b> Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</li> </ul> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		